

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Nâng cấp và BTXM đường GTNT tuyến từ Tổ 1 Nước Lang
(Đồng Xa) – Tổ 3 Kách Lang (Tuyến nhánh); Hạng mục: Nền, mặt đường.
Lý trình: Km1+600.00 -:- Km1+817.41m (L= 217.41m)
Địa điểm xây dựng: Xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ; nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Thông báo số 143/TB-KT&HT ngày 04/6/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp và BTXM đường GTNT tuyến từ Tổ 1 Nước Lang (Đồng Xa) – Tổ 3 Kách Lang (Tuyến nhánh); Hạng mục: Nền, mặt đường; Lý trình: Km1+600.00 -:- Km1+817.41m (L= 217.41m); Địa điểm xây dựng: Xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp và BTXM đường GTNT tuyến từ Tổ 1 Nước Lang (Đồng Xa) – Tổ 3 Kách Lang (Tuyến nhánh);

a) Hạng mục: Nền, mặt đường;

b) Lý trình: Km1+600.00 -:- Km1+817.41m (L= 217.41m)

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông; cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất huyện.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **259.000.000đồng** (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi chín triệu đồng chẵn.)

7. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

a) Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế áp dụng

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy trình khảo sát đường ô tô	22 TCN 263-2000
2	Công tác trắc địa trong xây dựng-Yêu cầu chung	TCVN 9398-2012
3	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình của Cục đo đạc bản đồ Nhà nước	96 TCN 43-90
4	Quy trình tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	22TCN 220-95
5	Quy trình khảo sát thủy văn	22TCN 27-84.
6	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	22TCN 259-2000.
7	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401 - 2012

b) Quy trình thiết kế, thi công

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường Ô tô, yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 - 2005
2	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (phần nút giao)	22 TCN 273 - 01
3	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông được ban hành tại Quyết định số 2231/QĐ-TCĐBVN	TCCS 40: 2022/ TCĐBVN

	ngày 11/5/2022	
4	Tiêu chuẩn cơ sở Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/ TCĐBVN
5	Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng	22 TCN 223-95
6	Qui phạm thiết kế cầu công theo trạng thái giới hạn	22 TCN 18-79
7	Qui trình thiết kế cầu	22 TCN 272-05
8	Thiết kế điển hình công tròn	533-01-01, 533-01-02
9	Thiết kế điển hình công vuông	86 - 04 X, 86 - 05 X.
10	Công tròn bê tông cốt thép lắp ghép	22 TCN 159 - 86
11	Ổng bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113 : 2012
12	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép- Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574-2012
13	Thép cốt bê tông cán nóng	TCVN 1651- 2008
14	Tiêu chuẩn kỹ thuật gôi cao su cốt bản thép	AASHTOM251-06-UL; ASTMD4014- 03
15	Tiêu chuẩn khe co khe giãn	AASHTO M297 – 96 AASHTO M183 - 96
16	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp cấp phối đá dăm	TCVN 8859-2023
17	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công. Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4252 - 1988
18	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 51:2024/BGTV
19	Quy trình thi công công tác đất	TCVN 4447-2012
20	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 : 2012
21	Đất xây dựng. Các phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN4195:2012 đếnTCVN 4202:2012
22	Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22 TCN 355 - 2006
23	Thí nghiệm đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333-06
24	Thí nghiệm xác định CBR cho đất, cấp phối đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332-06
25	Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa	TCVN 7572 : 2006
26	Đất xây dựng-phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất	TCVN9153:2012
27	Các tiêu chuẩn, qui chuẩn Việt Nam liên quan đến	theo các tiêu chuẩn Việt

xây dựng	Nam TCVN hiện hành
----------	--------------------

c) Quy mô kỹ thuật chủ yếu

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Nền, mặt đường		Từ Km1+600.0 :- Km1+817.41m (L= 217.41m)
1	Cấp đường	Loại	Đường cấp C
2	Tải trọng trục thiết kế	Kg/trục	2.500
3	Tốc độ thiết kế	Km/h	10-:-15
4	Chiều dài tuyến chính	m	217.41
5	Bề rộng nền đường	m	4.0
6	Bề rộng mặt đường	m	3.0
7	Bề rộng lề đường	m	0.5*2=1.0
8	Dốc ngang mặt đường	%	2.0
9	Dốc ngang lề đường	%	4.0
10	Dốc dọc tối đa tuyến chính	%	7.38% <15% (quy định)
11	Bán kính cong nằm tối thiểu	Rmin	10m
12	Kết cấu mặt đường BTXM	Loại	Đá 1x2, M250, dày 18cm
13	Móng cấp phối đá dăm loại B	Loại	Dày 12cm
14	Lớp đất nền đầm chặt	Loại	$K \geq 0,95$
15	Rãnh dọc đất dạng hình thang	Loại	$(B+b)xh=(1,2+0,4)x0,4m.$

8. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình:

a) Năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức khảo sát, thiết kế xây dựng công trình: Công ty TNHH MTV Xây dựng 126; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: HCM-00080161.

b) Năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH AUXADU. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: HCM-00037413 do Sở Xây Dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2020;

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

a) Số bước thiết kế: 01 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000.
- Quy phạm khảo sát và tính toán thủy văn 22TCN – 2000.
- Quy trình khảo sát địa chất vùng sụt trượt 22TCN 220 – 95.
- Tiêu chuẩn tính toán đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013.
- Quy phạm đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN 43 – 90.
- Quy trình khoan thăm dò địa chất TCVN 9437:2012.
- Công tác trắc địa trong xây dựng – yêu cầu chung TCVN 9398 – 2012.

- Đường ô tô - yêu Cầu thiết kế: TCVN 4054 – 2005.
- Qui trình thiết kế áo đường cứng 22TCN 223 – 95.
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (Phần nút giao): 22TCN 273 – 01.
- Qui trình thiết kế 22TCN 18 – 79 (Áp dụng cho cống dưới đường ô tô).
- Tiêu chuẩn thiết kế vải địa kỹ thuật 22TCN 248 – 98.
- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574:2012.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 51/2024/TT-BGTVT.

BGTVT.

- Qui trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859:2011.

- TCVN 4447 - 2012: Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.

- Và một số các quy trình, quy phạm khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được phê duyệt là: **259.000.000đồng** (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi chín triệu đồng chẵn.)

Trong đó:

Khoản mục chi phí xây dựng	Giá trị dự toán được phê duyệt (đồng)	Ghi chú
1	2	3
1- Chi phí xây dựng.	207.455.724	
2- Chi phí Quản lý dự án.	6.273.461	
3- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.	39.065.240	
4- Chí phí khác.	2.494.939	
5- Chi phí dự phòng.	3.710.636	
Tổng chi phí đầu tư xây dựng	259.000.000	

11. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ (Ngân sách Trung ương, Tỉnh và ngân sách huyện);

13. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý điều hành dự án.

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất thực hiện các kiến nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại thông báo số 143/TB-KT&HT ngày 04/6/2025 và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo chất lượng, tiến độ và sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất; Thủ trưởng Phòng giao dịch số 22 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII và thủ trưởng các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND xã Ba Đình;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT. KTHT (*Giang*).

CHỦ TỊCH

Phạm Giang Nam